

Số: 142/QĐ-UBND

Cẩm Vũ, ngày 21 tháng 07 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công khai quyết toán thu chi ngân sách năm 2022
Báo cáo tổng hợp thu chi ngân sách 05 tháng đầu năm 2023**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ CẨM VŨ

*Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;
Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của
Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;
Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của
Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với các cấp ngân
sách;*

*Căn cứ Nghị quyết 4222/NQ-HĐND ngày 21/07/2023 của Hội đồng nhân
dân xã Cẩm Vũ về việc phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương năm 2022.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Niêm yết công khai quyết toán thu chi ngân sách năm 2022, Báo cáo tổng hợp thu chi ngân sách 05 tháng đầu năm 2023 của xã Cẩm Vũ.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Văn phòng HĐND-UBND xã, công chức Tài chính- Kế toán, các bộ phận có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Lưu: KT, VP.

**TM. UBND XÃ CẨM VŨ
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Hữu Tuấn

ỦY BAN NHÂN DÂN

XÃ CẨM VŨ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**BIÊN BẢN NIÊM YẾT CÔNG KHAI
QUYẾT TOÁN THU CHI NGÂN SÁCH NĂM 2022, BÁO CÁO TỔNG
HỢP THU CHI NGÂN SÁCH 05 THÁNG NĂM 2023**

Hôm nay, ngày 21 tháng 07 năm 2022.

Tại Bộ phận một cửa của UBND xã Cẩm Vũ.

Chúng tôi gồm có:

1. Ông Nguyễn Hữu Tuấn

Chức vụ: Chủ tịch

2. Ông Đào Đức Thanh

Chức vụ: Phó chủ tịch

3. Bà Vũ Thị Điệp

Chức vụ: Kế toán

4. Bà Nguyễn Thị Tường

Chức vụ: Thư ký

5. Ông Đặng Văn Khung

Chức vụ: Trưởng ban TTND

Tiến hành lập Biên bản niêm yết công khai quyết toán thu chi ngân sách năm 2022, Báo cáo tổng hợp thu chi ngân sách 05 tháng năm 2023.

Thời gian niêm yết: Từ ngày 21/07/2023 đến hết ngày 21/08/2023.

Biên bản được lập thành 01 bản lưu tại phòng kế toán.

Người có trách nhiệm niêm yết



Vũ Thị Điệp



CHỦ TỊCH

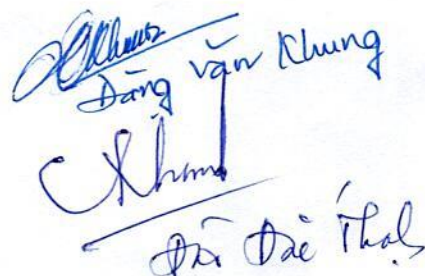
Nguyễn Hữu Tuấn

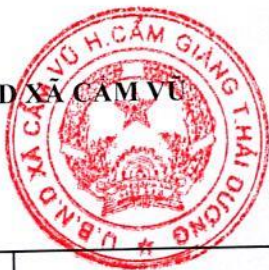
Thư ký



Nguyễn Thị Tường

Các thành viên





CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH XÃ 05 THÁNG NĂM 2023

Đơn vị: Đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM	THỰC HIỆN 05 THÁNG	SO SÁNH (%)
A	B	1	2	3=2/1
I	TỔNG SỐ THU	8.353.563.000	10.636.790.972	127,33
1	Các khoản thu xã hưởng 100%	147.000.000	2.088.161.000	1.420,52
2	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ (1)	4.660.000.000	264.514.252	5,68
3	Thu bổ sung	3.546.563.000	4.103.235.000	115,70
	- Thu bổ sung cân đối	3.546.563.000	2.000.000.000	56,39
	- Thu bổ sung có mục tiêu		2.103.235.000	
4	Thu chuyển nguồn		4.180.880.720	
II	TỔNG SỐ CHI	8.353.563.000	7.388.508.610	88,45
1	Chi đầu tư phát triển	3.750.000.000	5.669.370.020	151,18
2	Chi thường xuyên	4.603.563.000	1.719.138.590	37,34
3	Dự phòng			

Ghi chú: (1) Bao gồm 4 khoản thuế, lệ phí luật NSNN quy định cho ngân sách xã hưởng và những khoản thu ngân sách địa phương được hưởng dùng để phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) cho xã



Biểu số 114/CK TC-NSNN

THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH XÃ 05 THÁNG NĂM 2023

Đơn vị: Đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2023		THỰC HIỆN 05 THÁNG ĐẦU NĂM 2023		SO SÁNH (%)	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
A	B	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
	TỔNG THU		8.353.563.000	0	10.636.790.972	0	127,33
			147.000.000	0	2.088.161.000	0	1.420,52
I	Các khoản thu 100%						
	Phí, lệ phí		32.000.000		9.851.000		30,78
	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác		70.000.000		78.750.000		112,50
	Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp						
	Thu phạt, tịch thu khác theo quy định						
	Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước theo quy định						
	Đóng góp của nhân dân theo quy định				1.999.560.000		
	Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân		45.000.000				0,00
	Thu khác		4.660.000.000	0	264.514.252	0	5,68
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)						
			738.000.000	0	82.097.234	0	11,12
1	<i>Các khoản thu phân chia</i>		74.000.000		1.158.254		1,57
	- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp						
	- Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình		14.000.000		16.100.000		115,00
	- Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh		650.000.000		64.839.000		9,98
	- Lệ phí trước bạ nhà, đất		3.922.000.000	0	182.417.018	0	4,65
2	<i>Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định</i>		3.750.000.000				0,00
	Thu tiền SD đất		100.000.000		113.584.089		113,58
	Thuế giá trị gia tăng		72.000.000		68.832.929		95,60
	Thuế thu nhập cá nhân						
III	Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã				4.180.880.720		
IV	Thu chuyển nguồn						
V	Thu kết dư ngân sách năm trước		3.546.563.000	0	4.103.235.000	0	115,70
VI	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên						
			3.546.563.000		2.000.000.000		56,39
	- Thu bổ sung cân đối				2.103.235.000		
	- Thu bổ sung có mục tiêu						

THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH XÃ 05 THÁNG ĐẦU NĂM 2023

[illegible]



UBND VÀ CAM VU

Biểu số 116/CK TC-NSNN

CÂN ĐỐI QUYẾT TOÁN NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2022

(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)

Đơn vị: Đồng

NỘI DUNG	QUYẾT TOÁN	NỘI DUNG CHI	QUYẾT TOÁN
TỔNG SỐ THU	21.332.911.886	TỔNG SỐ CHI	21.332.911.886
<i>I. Các khoản thu xã hưởng 100%</i>	<i>2.298.394.769</i>	<i>I. Chi đầu tư phát triển</i>	<i>10.809.449.000</i>
<i>II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ ⁽¹⁾</i>	<i>6.742.518.751</i>	<i>II. Chi thường xuyên</i>	<i>6.296.582.166</i>
<i>III. Thu bổ sung</i>	<i>10.280.052.000</i>	<i>III. Chi chuyển nguồn của ngân sách xã sang năm sau (nếu có)</i>	<i>4.180.880.720</i>
- Bổ sung cân đối	2.617.129.000		
- Bổ sung có mục tiêu	7.662.923.000		
<i>IV. Thu kết dư ngân sách năm trước</i>		<i>IV. Chi nộp trả ngân sách cấp trên</i>	<i>46.000.000</i>
<i>V. Thu viện trợ</i>			
<i>VI. Thu chuyển nguồn từ năm trước sang của ngân sách xã (nếu có)</i>	<i>2.011.946.366</i>		
Kết dư ngân sách			

Ghi chú: (1) Bao gồm 4 khoản thu từ thuế, lệ phí luật NSNN quy định cho ngân sách xã hưởng và những khoản thu ngân sách địa phương được hưởng có phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) cho xã

**QUYẾT TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2022**

(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)

Đơn vị: Đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN		QUYẾT TOÁN		SO SÁNH (%)	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
A	B	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
	TỔNG THU		7.258.746.000	0	21.332.911.886		293,89
I	Các khoản thu 100%		233.000.000	0	2.298.394.769		986,44
	Phí, lệ phí		35.000.000		33.316.000		95,19
	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác		48.000.000		195.326.569		406,93
	Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp						
	Thu hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất theo chế độ quy định						
	Thu phạt, tịch thu khác theo quy định				8.290.200		
	Đóng góp của nhân dân theo quy định						
	Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân				1.999.670.000		
	Thu khác		150.000.000		61.792.000		41,19
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)		3.074.600.000	0	6.742.518.751	0	219,30
1	Các khoản thu phân chia		486.600.000	0	975.942.587	0	200,56
	- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp		47.000.000		100.596.390		214,03
	- Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình						
	- Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh		9.600.000		16.500.000		171,88
	- Lệ phí trước bạ nhà, đất		430.000.000		858.846.197		199,73
2	Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định		2.588.000.000	0	5.766.576.164	0	222,82
	Thu tiền sử dụng đất		2.500.000.000		5.597.164.020		223,89
	Thuế giá trị gia tăng		52.000.000		99.635.929		191,61
	Thuế thu nhập cá nhân		36.000.000		69.776.215		193,82
	...						
III	Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)						
IV	Thu chuyển nguồn				2.011.946.366		
V	Thu kết dư ngân sách năm trước						
VI	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên		3.951.146.000		10.280.052.000		260,18
	- Thu bổ sung cân đối		2.617.129.000		2.617.129.000		100,00
	- Thu bổ sung có mục tiêu		1.334.017.000		7.662.923.000		574,42



QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2022

(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)

Đơn vị: Đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN			QUYẾT TOÁN			SO SÁNH QT/DT (%)		
		TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYỀN	TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYỀN	TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYỀN
A	B	1	2	3	4	5	6	7=4/1	8=5/2	9=6/3
	TỔNG CHI	7.258.746.000	2.500.000.000	4.758.746.000	21.332.911.886	12.801.834.020	8.531.077.866	293,89	512,07	179,27
1	Chi giáo dục	942.725.000	942.725.000		7.152.305.000	7.152.305.000		758,68	758,68	
2	Chi ứng dụng, chuyển giao công nghệ									
3	Chi y tế				413.285.000	413.285.000				
4	Chi văn hóa, thông tin	543.507.000	502.507.000	41.000.000	570.356.049	522.079.000	48.277.049	104,94	103,89	117,75
5	Chi phát thanh, truyền thanh	30.000.000		30.000.000	55.217.000		55.217.000	184,06		184,06
6	Chi thể dục, thể thao	35.000.000		35.000.000	37.064.000	23.814.000	13.250.000	105,90		37,86
7	Chi bảo vệ môi trường									
8	Chi các hoạt động kinh tế				119.485.000	119.485.000				
9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể	5.136.713.000	721.477.000	4.415.236.000	7.786.992.717	2.187.780.000	5.599.212.717	151,59	303,24	126,82
10	Chi cho công tác xã hội	570.801.000	333.291.000	237.510.000	971.326.400	390.701.000	580.625.400	170,17	117,23	244,46
11	Chi khác				46.000.000	46.000.000				
12	Dự phòng									
13	Chi chuyển nguồn ngân sách sang năm sau				4.180.880.720	1.946.385.020	2.234.495.700			

**QUYẾT TOÁN CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN⁽¹⁾ NĂM 2022***(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)*

Đơn vị: Đồng

Tên công trình	Thời gian khởi công - hoàn thành	Tổng dự toán được duyệt		Giá trị thực hiện, từ 01/01 đến 31/12/2022	Giá trị đã thanh toán năm 2022			
		Tổng số	Trong đó nguồn đóng góp		Tổng số	Trong đó thanh toán khối lượng năm trước	Chia theo nguồn	
							Nguồn cân đối ngân sách	Nguồn đóng góp
TỔNG SỐ		85.628.480.000	0	79.014.562.000	10.809.449.000	10.809.449.000	0	0
Đường giao thông		3.779.857.000	-	3.779.857.000	10.730.000	10.730.000		
Cải tạo nâng cấp hạ tầng đường giao thông và hệ thống tiêu thoát nước Làng nghề rượu Phú Lộc		3.779.857.000		3.779.857.000	10.730.000	10.730.000		
Trường học		41.048.377.000	-	39.213.170.000	7.152.305.000	7.152.305.000	0	0
Các HMPT Trường Tiểu học Cẩm Vũ		2.761.013.000		2.761.013.000	25.983.000	25.983.000		
Một số hạng mục phụ trợ Trường Tiểu học Cẩm Vũ		964.016.000		964.016.000	454.000.000	454.000.000		
Cải tạo nhà lớp học 2 tầng 10 phòng Trường Tiểu học Cẩm Vũ		1.135.000.000		1.135.000.000	737.000.000	737.000.000		
Nhà lớp học 2T 6P Trường Tiểu học Cẩm Vũ		3.222.392.000		3.222.392.000	72.385.000	72.385.000		
Nhà lớp học 2T 6P Trường Tiểu học Cẩm Vũ		3.234.868.000		3.234.868.000	34.275.000	34.275.000		
Nhà lớp học 2T 6P Trường Mầm non Cẩm Vũ		4.901.823.000		4.901.823.000	45.152.000	45.152.000		
Nhà đa năng, nhà lớp học 2T 2P Trường Tiểu học Cẩm Vũ		6.117.354.000		4.282.147.000	3.835.265.015	3.835.265.015		
Xây dựng sân và các công trình phụ trợ Trường THCS Cẩm Vũ		1.339.830.000		1.339.830.000	36.161.000	36.161.000		
Nhà lớp học 2T 2P và các HMPT Trường Mầm non Cẩm Vũ		2.901.602.000		2.901.602.000	778.472.985	778.472.985		

**BIÊN BẢN KẾT QUẢ NIÊM YẾT CÔNG KHAI
QUYẾT TOÁN THU CHI NGÂN SÁCH NĂM 2022, BÁO CÁO TỔNG
HỢP THU CHI NGÂN SÁCH 05 THÁNG NĂM 2023**

Hôm nay, ngày 21 tháng 08 năm 2023. Tại Bộ phận một cửa của UBND xã Cẩm Vũ. Chúng tôi gồm có:

- | | |
|------------------------|--------------------------|
| 1. Ông Nguyễn Hữu Tuấn | Chức vụ: Chủ tịch |
| 2. Ông Đào Đắc Thanh | Chức vụ: Phó chủ tịch |
| 3. Bà Vũ Thị Điệp | Chức vụ: Kế toán |
| 4. Bà Nguyễn Thị Tường | Chức vụ: Thư ký |
| 5. Ông Đặng Văn Khung | Chức vụ: Trưởng ban TTND |

Tiến hành lập Biên bản về kết quả niêm yết công khai quyết toán thu chi ngân sách năm 2022, Báo cáo tổng hợp thu chi ngân sách 05 tháng năm 2023.

Trong khoảng thời gian niêm yết từ ngày 21/07/2023 đến hết ngày 21/08/2023, xã không nhận được ý kiến phản hồi nào.

Kết luận: 100% ý kiến của CBCC, bán truyền trách trong toàn xã nhất trí với nội dung niêm yết công khai quyết toán thu chi ngân sách năm 2022, Báo cáo tổng hợp thu chi ngân sách 05 tháng năm 2023.

Biên bản được lập thành 01 bản lưu tại phòng kế toán.

Người có trách nhiệm niêm yết



Vũ Thị Điệp



CHỦ TỊCH

Nguyễn Hữu Tuấn

Thư ký



Nguyễn Thị Tường

Các thành viên

